TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Â **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **89**/2020/QĐST-HNGĐ	*Ân Thi, ngày 10 tháng 07 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn C, SN 1986

Bị đơn: Chị Tạ Thị Nh, SN 1984

Người có QLNV liên quan:

1. Cháu Lê Thị Hương Gi, SN 01/02/2011

2. Cháu Lê Thị Kiều Ch, SN 04/9/2012

Người đại diện hợp pháp của cháu Gi: Chị Nh – Mẹ đẻ của cháu

Người đại diện hợp pháp của cháu Ch: Anh C – Bố đẻ của cháu

Đều trú tại: Ph, T, Â, Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/7/2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn C và chị Tạ Thị Nh

2. C nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh Lê Văn C và chị Tạ Thị Nh thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh C, chị Nh có 02 con chung là Lê Thị Hương Gi, SN

01/02/2011 và Lê Thị Kiều Ch, SN 04/9/2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh C. Nay ly hôn chị Nh, anh C thống nhất thỏa thuận để anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Ch đến khi thành niên. Chị Nh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Gi đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Đôi bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung, C sức, C nợ:* Chị Nh, anh C không đề nghị Tòa giải quyết

- *Về án phí*: Anh C tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí STDS được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000570 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Â. Hoàn trả anh C 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Â;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Â;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T, Â, Hưng Yên;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Hoàng Lương Hồng